

Bản tin Phân tích kỹ thuật

21/10/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111GB000 có tín hiệu tăng, với đà tăng chiếm ưu thế về cuối phiên. Dự báo hợp đồng nhiều khả năng sẽ tiếp cận khu vực 1.910 điểm, tương ứng vùng giá cao của phiên 08/10. (M5)
- Khuyến nghị mở vị thế mua quanh ngưỡng 1.889 điểm, với mục tiêu 1.910 điểm và dừng lỗ nếu xuất hiện nến đóng cửa dưới ngưỡng 1.883 điểm..

Chiến lược:

- Mua (B): 1.889 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.910 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.883 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Trung tính	Tiêu cực
VN30	Trung tính	Tiêu cực
VNMid	Tích cực	Trung tính
VNSmall	Tích cực	Trung tính
HNX	Tiêu cực	Tiêu cực



Nguồn: Vietcap

- VN-Index tăng mạnh với lực mua lan tỏa trên các phân khúc vốn hóa và phần lớn nhóm ngành. Trong đó, Ngân hàng, Bất động sản, Chứng khoán và Vật liệu ghi nhận sự cải thiện rõ nét của lực cầu, trong khi Tiêu dùng và Công nghiệp duy trì hoạt động mua tương đối ổn định. Ở chiều ngược lại, áp lực bán tập trung tại nhóm Bảo hiểm và chưa ghi nhận lực bán giá cao đáng kể tại các nhóm ngành nêu trên.
- Về mặt kỹ thuật, VN-Index vượt kháng cự 1.715 điểm với sự hỗ trợ của thanh khoản gia tăng, qua đó xác nhận tín hiệu tạo đáy ngắn hạn. Với trạng thái hiện tại, vùng 1.780–1.800 điểm là mục tiêu tiếp theo của chỉ số. Các nhịp điều chỉnh ngắn hạn do áp lực chốt lời nhiều khả năng sẽ được giới hạn quanh khu vực 1.715 (+/-5) điểm.
- Đánh giá tổng quan, sự đồng thuận trên diện rộng trong phiên 21/10 tạo điều kiện để VN-Index kéo dài nhịp tăng, đặc biệt khi nhóm Ngân hàng và Vingroup cũng bắt đầu tham gia rõ hơn. Do đó, các nhịp điều chỉnh ngắn hạn nhiều khả năng chỉ mang tính rung lắc/củng cố và được giới hạn tại hỗ trợ 1.715 (+/-5) điểm.

Cổ phiếu khuyến nghị theo PTKT



Nguồn: Vietcap

KBC

- KBC tăng giá kèm thanh khoản cải thiện, cho thấy lực mua duy trì ổn định. Cổ phiếu đã vượt kháng cự 26.500, tạo điều kiện kéo dài nhịp tăng với mục tiêu gần là vùng 29.000.
- Khuyến nghị mở vị thế mua ngắn hạn trên KBC và dừng lỗ nếu xuất hiện nền đóng cửa dưới ngưỡng 26.000.

Giá mua	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ
26.500-27.050	29.000	26.000



Nguồn: Vietcap

VIC

- Phiên tăng ngày 21/10 giúp VIC xác nhận cấu trúc tạo đáy ngắn hạn quanh vùng 205.000. Dự báo cổ phiếu sẽ có một vài phiên giằng co/rung lắc trước khi tiếp tục nhịp tăng.
- Các phiên rung lắc sẽ tạo điều kiện mở vị thế mua quanh khu vực 220.000. Mục tiêu gần khi cổ phiếu tăng trở lại là 234.000.

Giá mua	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ
220.000-223.600	234.000	215.000

Cổ phiếu khuyến nghị theo PTKT



VND

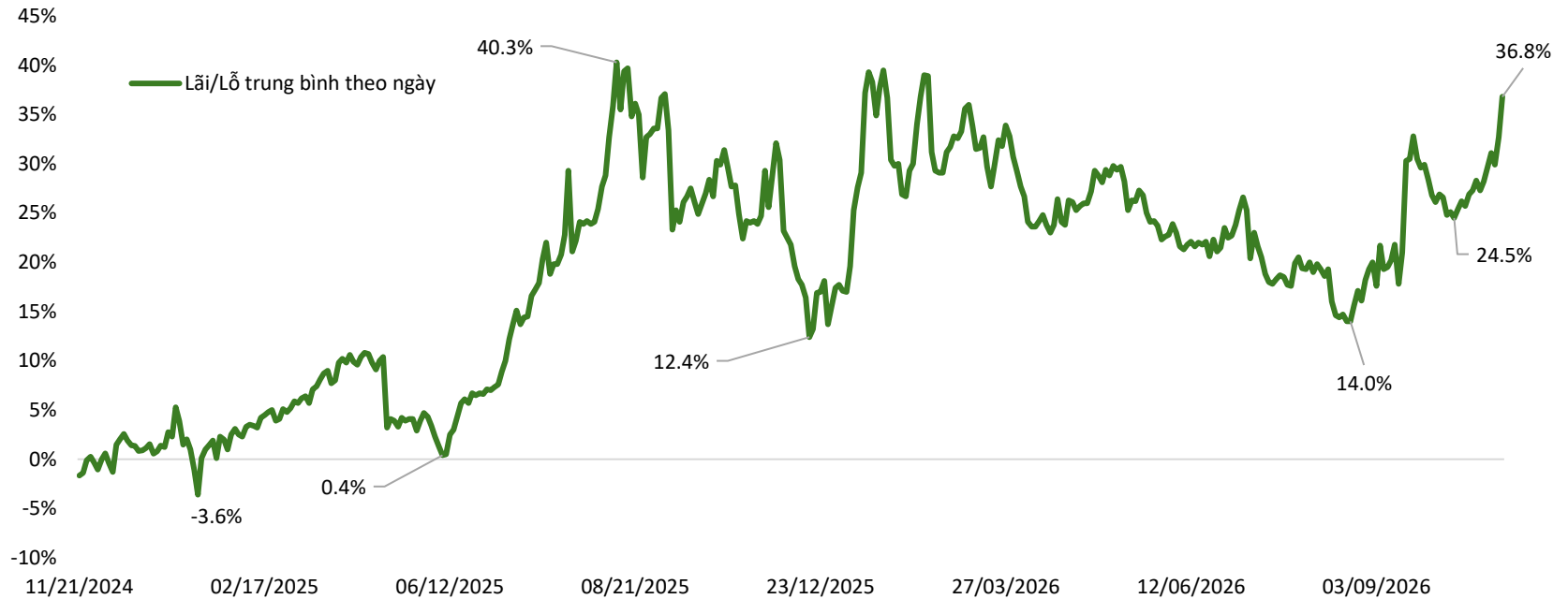
- VND tăng giá trong các phiên vừa qua đi kèm thanh khoản cao, cho thấy nhịp hồi phục được hỗ trợ bởi lực cầu ổn định. Tín hiệu này củng cố khả năng cổ phiếu tiếp tục hồi phục, với mục tiêu gần là 15.400.
- Lưu ý, VND vẫn đang trong xu hướng giảm nên tỷ trọng cần được giới hạn ở mức thấp và mang tính thăm dò.

Giá mua	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ
13.400-13.900	15.400	13.000

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
MSB	08/10/2026		Đang mở	15,550	14,500	7.2%	14,500	15,900	15,000	
HPG	08/10/2026		Đang mở	21,150	20,200	4.7%	19,600	21,500	20,300	
NLG	13/10/2026		Đang mở	22,850	21,700	5.3%	20,500	23,700	21,700	
CTD	13/10/2026		Đang mở	66,500	62,000	7.3%	62,500	68,000	63,500	
SHB	15/10/2026		Đang mở	10,800	10,200	5.9%	9,800	11,300	10,200	
CSV	16/10/2026		Đang mở	23,450	22,850	2.6%	22,000	25,000	23,800	
LAS	15/10/2026		Đang mở	12,000	11,600	3.4%	11,000	13,500		
ANV	15/10/2026		Đang mở	18,350	18,450	-0.5%	17,500	21,400		
DXG	16/10/2026		Đang mở	10,550	10,000	5.5%	9,500	11,000	10,000	
CEO	16/10/2026		Đang mở	11,600	10,800	7.4%	10,000	12,500	10,800	
HCM	16/10/2026		Đang mở	24,250	23,750	2.1%	22,500	25,500		

Bảng theo dõi những vị thế đang mở



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	223,600	6.99%	2.38%	1,735,625	24.912	2,751	10.2	81.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VHM	61,800	6.92%	1.31%	507,676	7.219	9,730	1.9	6.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
LPB	39,700	4.89%	4.20%	118,595	1.191	4,048	2.6	9.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCB	56,400	1.08%	0.18%	471,260	1.041	4,984	1.9	11.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCX	29,000	3.94%	6.42%	96,551	0.782	1,869	2.0	15.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MBB	20,000	1.78%	3.36%	201,375	0.737	3,225	1.4	6.2	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BID	34,100	1.34%	3.02%	265,238	0.729	4,250	1.4	8.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCB	34,400	1.33%	4.24%	243,767	0.664	4,042	1.3	8.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GEE	71,000	6.93%	8.73%	45,475	0.647	5,569	5.6	12.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BSR	28,100	-2.09%	-6.64%	140,705	-0.604	3,974	1.9	7.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TPB	12,650	5.42%	8.12%	40,355	0.449	2,376	0.9	5.3	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MSB	15,550	3.67%	6.14%	58,219	0.439	1,573	1.3	9.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SSB	16,250	3.17%	3.83%	56,368	0.368	869	1.3	18.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
STB	63,100	1.28%	-2.32%	118,957	0.314	1,634	1.9	38.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEX	23,850	4.84%	8.90%	31,207	0.310	1,049	1.6	22.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSF	75,800	2.71%	1.34%	68,204	1.005	16,970	3.2	4.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVB	13,700	1.48%	-2.14%	40,067	0.323	132	2.8	103.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HUT	12,900	4.03%	5.74%	13,781	0.302	525	1.2	24.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
MBS	15,800	3.27%	6.76%	15,815	0.281	1,562	1.4	10.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CEO	11,600	5.45%	8.41%	6,911	0.205	321	1.1	36.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BAB	10,600	2.91%	1.92%	12,217	0.194	1,044	0.9	10.2	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
VIF	15,100	5.59%	4.14%	5,285	0.161	1,407	1.1	10.7	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
SHS	12,900	2.38%	7.50%	11,603	0.150	812	0.9	15.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
THD	99,000	0.71%	-12.78%	38,115	0.148	395	7.5	250.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
NTP	53,000	2.32%	0.19%	10,878	0.137	5,810	2.5	9.1	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực

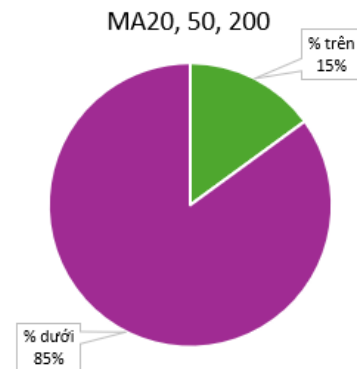
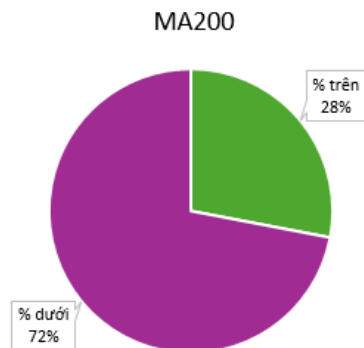
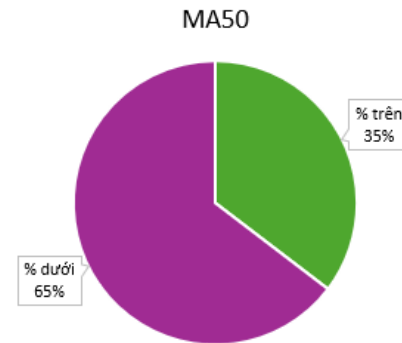
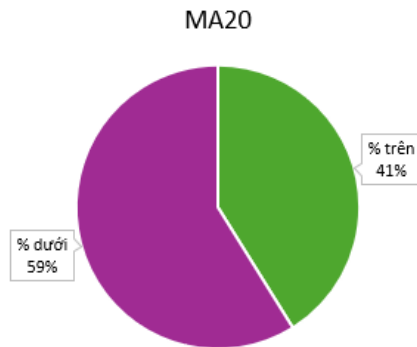
TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	77,900	1.83%	2.37%	235,688	0.518	4,047	6.2	19.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSR	62,700	-3.69%	-2.64%	69,928	-0.309	2,207	4.9	28.7	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
ACV	41,700	1.21%	0.97%	148,921	0.217	3,104	2.0	13.4	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SJG	22,900	14.50%	15.08%	9,935	0.173	4,100	1.3	5.4	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
PAP	29,800	12.45%	12.45%	10,639	0.159	-1,817	3.1	-16.4	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CC1	35,000	5.11%	7.69%	17,237	0.106	545	3.8	63.5	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tích cực
F88	52,000	-6.81%	-10.03%	12,214	-0.100	4,974	3.0	10.6	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TIN	93,600	8.84%	6.36%	8,477	0.090	18,244	2.6	5.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FOX	56,900	1.43%	2.89%	41,875	0.072	4,936	3.3	11.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MVN	61,200	-0.49%	0.33%	74,330	-0.044	2,341	4.8	26.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
MSB	15,550	3.7%	228.6	146.0	9,000	15,000	1.3	9.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CLI	30,400	0.3%	6.6	4.1	22,452	30,300	0.0	0.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VLB	51,600	4.5%	8.3	1.1	41,311	49,937	2.0	3.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
HTN	7,600	5.6%	10.9	2.8	4,094	7,510	0.7	-140.4	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
NRC	4,800	2.1%	13.9	2.5	4,500	7,000	0.4	23.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PTB	31,050	3.2%	12.5	3.9	28,250	44,437	0.9	5.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
ORS	14,650	6.9%	189.3	33.1	12,200	16,050	1.2	23.3	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
DXS	5,240	6.9%	34.0	8.7	4,800	12,300	0.5	13.0	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
IJC	7,380	6.8%	35.9	7.9	6,410	13,030	0.6	6.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VSC	14,300	6.7%	325.8	102.1	12,700	28,250	1.0	15.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
GEE	71,000	6.9%	229.0	106.7	57,244	136,356	5.6	12.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			21/10/2026	20/10/2026	19/10/2026	16/10/2026	15/10/2026	14/10/2026	13/10/2026	12/10/2026
VNINDEX	MA200	Trên	24%	24%	22%	22%	22%	22%	22%	22%
		Dưới	76%	76%	78%	78%	78%	78%	78%	78%
	MA50	Trên	46%	35%	33%	30%	28%	29%	28%	31%
		Dưới	54%	65%	67%	70%	72%	71%	72%	69%
	MA20	Trên	56%	46%	42%	38%	32%	31%	31%	36%
		Dưới	44%	54%	58%	62%	68%	69%	69%	64%
VN30	MA200	Trên	23%	23%	20%	20%	20%	20%	20%	23%
		Dưới	77%	77%	80%	80%	80%	80%	80%	77%
	MA50	Trên	43%	23%	30%	23%	20%	30%	33%	33%
		Dưới	57%	77%	70%	77%	80%	70%	67%	67%
	MA20	Trên	50%	37%	33%	30%	20%	23%	20%	27%
		Dưới	50%	63%	67%	70%	80%	77%	80%	73%
HNX	MA200	Trên	26%	27%	26%	27%	26%	26%	25%	28%
		Dưới	74%	73%	74%	73%	74%	74%	75%	72%
	MA50	Trên	39%	37%	36%	35%	34%	33%	32%	36%
		Dưới	61%	63%	64%	65%	66%	67%	68%	64%
	MA20	Trên	26%	27%	26%	27%	26%	26%	25%	28%
		Dưới	74%	73%	74%	73%	74%	74%	75%	72%
UPCOM	MA200	Trên	32%	31%	31%	29%	28%	28%	27%	29%
		Dưới	68%	69%	69%	71%	72%	72%	73%	71%
	MA50	Trên	30%	30%	31%	30%	28%	29%	28%	29%
		Dưới	70%	70%	69%	70%	72%	71%	72%	71%
	MA20	Trên	30%	30%	30%	30%	30%	31%	31%	31%
		Dưới	70%	70%	70%	70%	70%	69%	69%	69%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 15		Tháng 10														Tháng 9					
		21 ↓	20	19	16	15	14	13	12	09	08	07	06	05	02	01	30	29	28	25	24
1	Bán lẻ	86	85	83	78	76	80	86	87	87	87	88	84	83	78	77	77	75	72	75	72
2	Hàng & Dịch vụ Côn...	74	70	67	64	65	66	67	68	69	68	69	65	65	63	65	66	66	64	63	60
3	Tài nguyên Cơ bản	73	71	68	66	61	62	57	60	54	55	54	53	53	47	46	46	49	45	46	46
4	Hóa chất	64	63	58	54	55	59	58	62	60	59	56	55	56	54	59	59	61	59	61	60
5	Xây dựng và Vật liệu	59	53	48	48	48	43	41	43	38	37	36	33	33	31	33	37	38	34	36	36
6	Hàng cá nhân & Gia ...	59	56	54	52	54	54	53	55	54	54	51	47	40	34	32	32	32	32	34	36
7	Thực phẩm và đồ ướ...	53	49	46	47	46	46	46	51	52	52	49	47	47	43	42	39	40	40	41	43
8	Ngân hàng	50	46	46	46	43	42	40	39	36	36	38	40	40	40	43	47	48	48	53	52
9	Bất động sản	46	32	29	28	26	24	25	25	25	24	25	25	24	23	23	25	25	27	30	29
10	Dịch vụ tài chính	43	35	28	26	25	18	17	18	15	14	16	18	22	22	21	22	24	23	29	29
11	Điện, nước & xăng d...	43	38	38	47	45	48	49	50	49	50	49	47	51	52	57	58	57	51	49	52
12	Du lịch và Giải trí	39	32	34	32	29	31	33	37	35	35	34	37	31	38	39	41	43	43	44	44
13	Ô tô và phụ tùng	38	31	30	25	28	28	28	28	22	22	25	23	24	24	24	26	28	27	30	32
14	Dầu khí	37	36	35	30	32	44	45	54	60	59	59	61	60	57	62	59	71	61	53	56
15	Công nghệ Thông tin	15	13	12	13	13	11	10	10	11	14	14	15	15	18	21	25	28	29	-	41

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
TCB	34,400	1.3%	4.2%	243,767	1.3	8.5	4,042	696.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSN	73,700	0.1%	2.8%	107,630	2.7	15.9	4,627	534.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
MSB	15,550	3.7%	6.1%	58,219	1.3	9.9	1,573	228.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VEA	39,000	0.0%	-1.3%	51,713	2.2	6.7	5,818	33.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KSV	119,400	0.6%	3.7%	35,820	5.4	10.2	11,734	5.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GMD	55,000	0.0%	3.8%	35,714	2.6	13.8	3,992	96.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FRT	152,000	1.7%	8.1%	27,180	5.7	23.9	6,359	147.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
ORS	14,650	6.9%	10.6%	9,141	1.2	23.3	629	189.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
NT2	24,350	1.0%	5.4%	7,010	1.3	4.8	5,069	26.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TVN	10,100	-1.9%	2.0%	6,952	0.8	8.8	1,160	9.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VGT	11,900	0.8%	2.6%	5,890	0.8	5.6	2,121	8.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
TLG	56,100	-1.4%	1.1%	5,415	2.1	11.8	4,776	9.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSH	33,600	3.2%	7.3%	3,781	1.9	6.0	5,631	11.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
CLI	30,400	0.3%	6.3%	3,330	0.0	0.0	0	6.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
AAA	7,330	2.4%	3.8%	2,886	0.5	5.3	1,390	21.6	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TNG	18,900	-0.5%	2.7%	2,433	1.2	5.1	3,692	23.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VLB	51,600	4.5%	7.3%	2,384	2.0	3.6	14,270	8.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
HVH	10,850	5.3%	5.9%	778	1.0	9.6	1,135	5.0	Tích cực	9.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
HII	10,400	4.1%	14.4%	766	0.7	3.3	3,190	5.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ABB	17,700	0.6%	0.6%	28,279	1.3	6.1	2,911	8.3	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
SBT	21,200	0.5%	-6.2%	19,814	1.7	23.1	917	36.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
STB	63,100	1.3%	-2.3%	118,957	1.9	38.6	1,634	108.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	57,400	0.0%	0.5%	108,241	2.7	10.8	5,324	505.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLX	35,150	0.1%	-3.0%	45,480	1.8	13.9	2,524	107.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMP	138,000	0.4%	-1.8%	11,297	3.6	9.0	15,292	15.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VTZ	20,200	0.0%	0.0%	1,538	1.7	22.7	890	22.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VHM	61,800	6.9%	1.3%	507,676	1.9	6.4	9,730	838.1	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCB	56,400	1.1%	0.2%	471,260	1.9	11.3	4,984	307.6	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GAS	77,000	0.8%	-2.0%	185,797	2.7	14.6	5,269	49.9	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
OIL	13,100	1.6%	-1.5%	13,426	1.3	22.0	591	19.0	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SCS	40,250	3.2%	-3.0%	3,860	2.2	5.5	7,266	10.6	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DRC	9,680	1.3%	-1.7%	1,495	0.8	12.0	809	5.9	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
PVC	11,500	0.0%	-0.9%	934	1.0	29.2	394	6.6	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BVH	68,400	-1.9%	-10.0%	50,775	2.0	15.3	4,472	98.2	Tiêu cực	-4.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VC3	23,200	0.4%	-0.4%	3,452	2.2	48.3	480	47.5	Tiêu cực	-4.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGI	77,900	1.8%	2.4%	235,688	6.2	19.1	4,047	20.2	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
LPB	39,700	4.9%	4.2%	118,595	2.6	9.8	4,048	101.2	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACB	20,400	0.7%	-0.2%	118,410	1.2	7.6	2,701	167.3	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VPX	23,200	2.0%	1.8%	43,500	1.2	11.2	2,069	25.9	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	10,750	0.0%	0.0%	34,448	0.7	5.9	1,811	264.6	Tiêu cực	-3.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
PNJ	19,200	-2.78%	2.95%	42,900	117.2%	4,780	0.7	4.0	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
HDC	11,150	6.70%	8.78%	21,400	104.8%	2,909	0.9	3.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
KDH	14,850	4.95%	10.00%	28,800	103.5%	1,424	1.0	10.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
STK	7,900	0.00%	0.89%	16,000	102.5%	(354)	0.7	-22.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HDG	15,600	5.05%	6.12%	28,700	93.3%	2,298	0.9	6.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MWG	75,800	1.20%	3.13%	140,000	86.9%	6,660	3.1	11.4	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GEX	23,850	4.84%	8.90%	40,500	78.0%	1,049	1.6	22.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
F88	52,000	-6.81%	-10.03%	98,000	75.6%	4,974	3.0	10.6	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DMX	75,400	0.27%	-0.79%	130,600	73.7%	5,079	5.4	14.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PTB	31,050	3.16%	4.37%	52,000	72.8%	5,852	0.9	5.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
MSN	73,700	0.14%	2.79%	127,000	72.6%	4,627	2.7	15.9	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
NLG	22,850	6.78%	7.78%	36,800	72.0%	1,407	0.9	16.2	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	14,000	1.08%	2.19%	23,100	66.8%	1,976	0.7	7.1	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DPG	30,150	2.20%	11.46%	48,900	65.8%	3,530	1.2	8.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CTG	30,500	0.16%	3.21%	48,800	60.3%	5,172	1.2	5.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DGC	34,250	1.78%	5.06%	52,100	54.8%	5,603	0.8	6.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	31,800	-0.63%	-3.64%	49,000	53.1%	3,432	1.3	9.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VRE	24,950	6.85%	11.38%	35,600	52.5%	3,191	1.2	7.8	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VTP	48,050	1.48%	6.19%	71,800	51.6%	2,199	4.2	21.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	20,000	1.78%	3.36%	29,600	50.6%	3,225	1.4	6.2	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn